

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 21-7-2020
V/v : Tranh chấp hôn nhân và gia
đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Châu.

2. Ông Phan Văn Tạo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Bích V**, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường P, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Dương Văn Đ**, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, đường L, khóm X, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2019 nguyên đơn bà Ngô Thị Bích V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Bích V và ông Dương Văn Đ kết hôn năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Y, thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/11/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc,

nguyên nhân là do hai vợ chồng không có con chung, ông Đ thường xuyên đi nhậu về và có dùng những lời lẽ thô tục, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà V, bà V đã khuyên nhiều lần nhưng ông Đ không nghe, bà V đã cho ông Đ nhiều cơ hội sửa đổi để vợ chồng hàn gắn nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Ông, bà đã sống ly thân từ giữa năm 2019 cho đến nay. Từ đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn Đ.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là ông Dương Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ thống nhất thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn như bà V trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do khi ông Đ đi nhậu về thì bà V hay nhậu và cũng có dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm ông Đ nên ông Đ mới cự lại.

Ông Đ biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có nhận được tất cả các văn bản của Tòa án nhưng ông Đ không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án vì ông Đ muốn hàn gắn với bà V. Tuy nhiên từ lúc bà V nộp đơn khởi kiện đến nay thì vẫn chưa hàn gắn được, ông Đ cũng còn thương bà V nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Đ yêu cầu được chia tài sản chung của vợ chồng.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Ông Đ yêu cầu được chia tài sản chung.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Bích V và ông Dương Văn Đ xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Theo bà V nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống với nhau không có con chung, ông Đ thường

xuyên đi nhậu về và có những lời lẽ thô tục xúc phạm bà V. Từ đó vợ chồng không còn sự đồng cảm, bà V cũng đã cho cơ hội nhiều lần nhưng ông Đ không sửa đổi. Ông, bà đã sống ly thân từ giữa năm 2019 cho đến nay. Từ đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn Đ.

Tại phiên tòa ông Đ cho rằng trong quá trình chung sống ông Đ cũng có đi nhậu nhưng không nhiều, do khi nhậu về bà V hay cần nhậu cũng có những lời lẽ xúc phạm nên trong lúc có rượu ông Đ có chửi thề 1, 2 tiếng. Tại phiên tòa ông Đ xin được hàn gắn vì còn thương vợ nhưng bà V cương quyết không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông, bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V cho bà V được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà Ngô Thị Bích V và ông Dương Văn Đ tự trình bày không có con chung, không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà V thì cho rằng không có tài sản chung. Ông Đ thì cho rằng có tài sản chung. Tuy nhiên từ khi thụ lý cho đến nay ông Đ không có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Ông Đ có quyền yêu cầu phân chia, nếu ông Đ có yêu cầu chia tài sản thì làm đơn yêu cầu chia tài sản chung trong cùng một vụ án hôn nhân và gia đình, nhưng ông Đ không có làm đơn gửi Tòa án và cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Tại phiên Tòa ông Đ thừa nhận có nhận được tất cả các văn bản của Tòa án nhưng ông Đ không muốn đến dự và cũng không có làm đơn yêu cầu chia tài sản chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Đ sẽ làm đơn khởi kiện chia tài sản chung sau. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Ngô Thị Bích V và ông Dương Văn Đ tự trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Ngô Thị Bích V phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ngô Thị Bích V với ông Dương Văn Đ.
2. Về con chung: Bà Ngô Thị Bích V và ông Dương Văn Đ tự trình bày không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
3. Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Bích V và ông Dương Văn Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Ngô Thị Bích V và ông Dương Văn Đ tự trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị Bích V phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009575 ngày 19/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà V đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường X, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thanh Loan